

NGOẠI NGỮ - RÀO CẢN HAY LÀ PHƯƠNG TIỆN TRONG QUÁ TRÌNH GIAO LƯU, HỘI NHẬP QUỐC TẾ?

TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA

Bộ môn Tâm lý - Giáo dục

Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

1. Sự phát triển của xã hội và những vấn đề đặt ra với việc nâng cao trình độ ngoại ngữ của nhân dân:

- ♦ Thế giới ngày nay là thế giới mở, các quốc gia dù muốn hay không đều nằm trong sự ràng buộc, liên hệ chặt chẽ lẫn nhau. Không một quốc gia nào có thể nằm tách biệt khỏi hệ thống ràng buộc, liên kết đó.
- ♦ Chúng ta đang chứng kiến quá trình giao lưu, hội nhập của các nền kinh tế, văn hoá khác nhau, đặc biệt là trong những thập kỷ cuối của thế kỷ 20. Quá trình giao lưu này thể hiện ở mọi bình diện và mọi cấp độ khác nhau. Sự xuất hiện và phát triển các Tổ chức liên quốc gia, liên lục địa về chính trị, kinh tế, văn hoá, thể thao, tôn giáo,... việc hình thành và phát triển mạnh mẽ của các tổ chức ASEAN, EC, tổ chức Olympic quốc tế, các tập đoàn kinh tế đa quốc gia,... là những thí dụ tiêu biểu cho quá trình giao lưu đó.
- ♦ Giao lưu văn hoá mang tính qui luật và mọi dân tộc đều phải tuân theo. Nó cho giúp cho mỗi quốc gia tiếp cận nhanh chóng đến những thành tựu về văn hoá, khoa học,... của các quốc gia khác. Quan trọng là nó không làm mất bản sắc của mỗi dân tộc, như nhiều người lo sợ. Thực tiễn cho thấy, nếu quốc gia nào mạnh dạn, và biết cách hợp tác, học hỏi và tranh thủ thành tựu của thế giới, thì quốc gia đó nhanh chóng phát triển, có nền kinh tế, văn hoá phát triển ở trình độ cao. Và kết quả tất yếu là xuất hiện bản lĩnh dân tộc. ở nước đó, văn hoá, truyền thống và bản sắc dân tộc được chú trọng và gìn giữ.
- ♦ Một quá trình quan trọng khác có ảnh hưởng mạnh mẽ đến quá trình giao lưu đó là quá trình phân công lao động quốc tế. Chúng ta đang chứng kiến quá trình phân bố lại lực lượng sản xuất thế giới. Vô tuyến truyền hình của hãng Nhật không nhất thiết phải chế tạo ở Nhật, máy Computer của công ty Mĩ lại lắp đặt ở Thái lan hay Singapo. Hiện không còn gì lạ khi công dân nước này lại làm việc và sinh sống ở nước khác. Có rất nhiều các dự án về khoa học, kinh tế, văn hoá thể thao được thực hiện bởi sự tham gia từ nhiều quốc gia.
- ♦ Đặc biệt, với sự bùng nổ của các kỹ thuật thông tin, sự ra đời của các mạng thông tin, máy tính, và đặc biệt là Internet, thế giới lại càng trở nên gắn gũi hơn. Chúng thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa quá trình hội nhập đó. Việc trao đổi thông tin giữa các cá nhân, tổ chức từ các quốc gia khác nhau ngày nay có thể thực hiện nhanh chóng, tức thời, và hiệu quả ở chế độ thời gian thực (real time).
- ♦ Trong quá trình giao lưu, hội nhập đó, ngoại ngữ đóng vai trò cực kỳ quan trọng, không thể thiếu được. Nó vừa là phương tiện, vừa là rào cản. Thiếu nó, con người khó có thể giao lưu, nắm bắt được các thông tin cần thiết cho các hoạt động của mình. Ngoại ngữ là cầu nối cho sự hiểu biết và quan hệ giữa các dân tộc.

2. Việt nam, kể từ khi bắt đầu đổi mới, đặc biệt là vào thập kỷ cuối của thế kỷ 20, đang cố gắng hết mình để hội nhập vào nền kinh tế, văn hoá thế giới. Sự giao lưu đó đang có chiều hướng phát triển tích cực. Hàng chục vạn người Việt nam ra nước ngoài làm ăn, sinh sống và học tập. Các công ty nước ngoài tìm đến Việt nam, đầu tư, tìm kiếm đối tác. Các doanh nghiệp Việt nam ngày nay không còn chỉ hạn chế làm ăn với thị trường trong nước, mà còn có vươn ra, tìm kiếm thị trường ngoài nước.

Trong tình hình đó, chúng ta chứng kiến sự bùng nổ về nhu cầu học tập tiếng nước ngoài. Xuất hiện đủ các loại hình dạy và học tiếng nước ngoài. Học chính khóa, học ngoại khoá, học qua

Vô tuyến truyền hình,... Các trung tâm ngoại ngữ mọc ra như nấm, đặc biệt là tại các thành phố lớn. Trình độ ngoại ngữ của người Việt nam tăng lên rõ rệt.

Tuy nhiên, để đánh giá đúng thực trạng của việc dạy và học ngoại ngữ, cần phải có những nghiên cứu định lượng, đánh giá điều tra nghiêm túc. Để xây dựng được bức tranh hoàn chỉnh này, việc trước tiên là phải phân loại các đối tượng điều tra (cấu trúc xã hội và các nhóm thành viên của nó) và xây dựng được hệ thống tiêu chí cần điều tra.

Dù chưa có những điều tra định lượng nghiêm túc, qua thực tiễn, ta cũng có thể rút ra một số nhận xét sơ bộ về trình độ ngoại ngữ và hiện trạng dạy - học ngoại ngữ ở Việt nam:

- ♦ Trừ những người trực tiếp làm công tác ngoại ngữ, và một số ít cán bộ, học sinh, sinh viên có trình độ ngoại ngữ ở mức độ cao, hầu hết các cán bộ, các nhà doanh nghiệp,... biết ngoại ngữ ở mức thấp, không đủ để thực hiện các hoạt động nghề nghiệp của mình. Các cán bộ Việt nam khi ra nước ngoài (hoặc giao tiếp với người nước ngoài ở Việt nam) thường không đủ trình độ để giao tiếp, lĩnh hội đầy đủ các thông tin cần thiết. Việc một cán bộ Việt nam thành thạo (nghe, nói, đọc, viết) 2-3 ngoại ngữ là rất hiếm, trong khi đó không phải là hiện tượng hiếm ở nhiều nước trên thế giới.
- ♦ Đối với số đông, ngoại ngữ chưa đóng vai trò như là một phương tiện tích cực cho các hoạt động chuyên môn của mình. Do đó, sau khi Việt nam mở cửa, khuyến khích đầu tư, nhu cầu sử dụng ngoại ngữ tăng nhanh, thì số cán bộ có chuyên môn đồng thời có trình độ ngoại ngữ cao là thiếu hụt trầm trọng. Nhiều khi, trong việc tuyển chọn cán bộ, cử cán bộ đi đào tạo hay công tác ở nước ngoài,... đáng lẽ phải lấy chuyên môn làm tiêu chuẩn hàng đầu, nhưng trên thực tế lại đang dùng ngoại ngữ làm tiêu chuẩn xét chọn. Điều đó là chưa bình thường.
- ♦ Việc tổ chức dạy ngoại ngữ hầu như còn mang tính chất tự phát, không có sự quản lý thống nhất và chặt chẽ về chương trình, chất lượng,... Tuy nhiên, cũng cần phải thừa nhận là những tiến bộ đạt được trong việc nâng cao trình độ ngoại ngữ của dân chúng phần lớn là do các hình thức dạy học không chính qui thực hiện. Chất lượng kiến thức ngoại ngữ của học sinh phổ thông còn ở tình trạng thấp. Ngoài một số trường chuyên, lớp chọn tại các thành phố lớn, học sinh sau khi rời ghế nhà trường, hầu như không còn một chút kiến thức nào về ngoại ngữ. Số lượng giáo viên dạy ngoại ngữ tại các địa phương thiếu hụt nghiêm trọng. Chất lượng giáo viên không đảm bảo. Hầu hết giáo viên ngoại ngữ, sau khi tốt nghiệp không có điều kiện để ôn luyện, nâng cao trình độ, không được tiếp xúc với môi trường sử dụng ngoại ngữ. Kết quả là kiến thức, và các kỹ năng ngoại ngữ vốn đã yếu lại càng mai một.
- ♦ Cần phải nhận thức rằng, để nâng cao trình độ ngoại ngữ cho một dân tộc, thì việc quan trọng hàng đầu là nâng cao chất lượng đào tạo cho thế hệ trẻ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, và ngay ở bậc tiểu học. Các hình thức, tổ chức dạy học khác chỉ có thể góp phần thúc đẩy, chứ không thể hoàn toàn thay thế nó. Vì vậy, cần nhận thức sâu sắc về việc cải tổ, thay đổi về chất của quá trình dạy-học ngoại ngữ ở nhà trường phổ thông. Những việc quan trọng hàng đầu cần quan tâm là phải nghĩ đến việc tổ chức, hoàn thiện quá trình đào tạo và đào tạo lại giáo viên ngoại ngữ, thay đổi cấu trúc chương trình (mục tiêu, số tiết, nội dung kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ,...).

3. Việc dạy và học ngoại ngữ có những đặc thù và phương pháp riêng của nó. Học ngoại ngữ sẽ không có hiệu quả nếu tách nó ra khỏi môi trường giao tiếp, sử dụng. Thực tế cho thấy, phần lớn giáo viên ngoại ngữ phổ thông mới chỉ sử dụng được các phương pháp dạy học truyền thống: thầy giảng, trò nghe. Các phương tiện nghe, nhìn,... hầu như không được sử dụng, hoặc không có. Với cách dạy như vậy, chưa nói đến vốn kiến thức mà học sinh có thể lĩnh hội, học sinh chắc chắn sẽ không có được các kỹ năng cơ bản, cần thiết cho việc sử dụng ngoại ngữ.

Nhìn vào trình độ ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ đã trưởng thành, nhiều khi có tâm lý mặc cảm là người Việt nam không có truyền thống học ngoại ngữ. Có ý kiến cho rằng, vì tiếng Việt là tiếng đơn âm, khác với một số tiếng nước ngoài như Anh, Pháp, Nga,... là đa âm, và người Việt nam lại vốn hay e ngại khi giao tiếp nên việc tiếp thu ngoại ngữ có nhiều khó khăn. Điều này có một phần đúng, nhưng nói chung không phải hoàn toàn như vậy. Số đông trẻ em Việt nam, theo bố mẹ ra

sinh sống nước ngoài, sau một thời gian hoà nhập, học tiếng đã đạt được trình độ ngoại ngữ gần như người bản xứ (từ phát âm đến tư duy, diễn đạt,...).

Chúng ta đều biết, ở khả năng nắm bắt ngoại ngữ, trẻ nhỏ có nhiều ưu thế so với người đã trưởng thành. Thực tế cho thấy, trẻ em ở lứa tuổi phổ thông có thể tiếp nhận cùng một lúc một vài thứ tiếng nước ngoài mà không có sự nhầm lẫn. Trong khi đó, cùng với sự phát triển tuổi tác, việc tiếp nhận một ngôn ngữ mới càng ngày càng trở nên khó khăn hơn.

Vì nhu cầu phát triển của xã hội (như đã nêu trên), vì ảnh hưởng của đặc thù lứa tuổi đến việc học ngoại ngữ, việc nhấn mạnh vai trò, nâng cao chất lượng của việc dạy và học ngoại ngữ ở nhà trường phổ thông là đặc biệt cần thiết và cấp thiết. Vấn đề là chương trình phổ thông nói chung hiện nay là quá tải, phải giảm bớt. Tuy vậy, xuất phát từ vai trò quan trọng của ngoại ngữ, tính đột phá của nó trong việc đưa Việt nam hoà nhập vào nền kinh tế thế giới, tác giả của báo cáo này vẫn coi là rất cần thiết đẩy mạnh hơn nữa việc dạy-học ngoại ngữ trong nhà trường phổ thông.

Việc này có thể làm được, nếu chúng ta biết cách thay đổi lại cấu trúc toàn bộ chương trình các môn học phổ thông, biến nó trở thành hiệu quả, hợp lý, và thực dụng cho cuộc sống hơn.

Ngoài ra, với việc sử dụng các thành tựu hiện đại của cách mạng tin học (mà một trong các ưu điểm của nó là nhanh chóng được ứng dụng vào cuộc sống), sự ra đời của mạng thông tin, Internet cho phép mỗi người tham gia trực tiếp vào quá trình giao tiếp với bạn bè từ các quốc gia khác. Trong quá trình giao tiếp đó sẽ hình thành các nhu cầu của việc học tập ngoại ngữ, khả năng nâng cao, phát triển trình độ cho mỗi cá nhân. Việc học ngoại ngữ được tiến hành tốt nhất là trong quá trình giao tiếp. Việc sử dụng các thành tựu của cách mạng tin học còn cho phép ứng dụng các phương tiện, phương pháp mới trong việc giảng dạy và quản lý quá trình dạy-học ngoại ngữ. Việc ứng dụng công nghệ multimedia vào việc xây dựng các phần mềm dạy học ngoại ngữ có chất lượng cao, áp dụng mạng máy tính vào việc tổ chức dạy học từ xa, hay việc xây dựng các chương trình kiểm tra, đánh giá kiến thức hay quản lý giáo dục,... không còn là điều mới mẻ. Nhất là khi Việt Nam đang cùng với toàn thể nhân loại bước vào một thiên niên kỷ mới.

4. Việc cải cách lại toàn bộ hệ thống giáo dục ngoại ngữ ở nhà trường phổ thông là một vấn đề lớn, đòi hỏi nỗ lực không chỉ của bản thân các giáo viên ngoại ngữ (các trường đại học sư phạm, cao đẳng sư phạm, trung học sư phạm, phổ thông), các nhà nghiên cứu giáo dục, mà trước hết nó đòi hỏi sự quan tâm thích đáng của các nhà quản lý giáo dục, sự đầu tư nghiêm túc của nhà nước cả về chính sách lẫn tài chính.

Để xây dựng, hoạch định một chương trình cụ thể những việc cần phải làm đòi hỏi phải có sự tham gia nghiên cứu một cách nghiêm túc của nhiều nhà chuyên môn, cũng như quản lý. ở đây, chúng tôi chỉ nêu lên một số suy nghĩ ban đầu.

a). Về xây dựng đội ngũ giáo viên phổ thông:

- ♦ Tiến hành điều tra thực trạng đội ngũ giáo viên đang trực tiếp dạy ngoại ngữ, phân loại theo các tiêu chí khác nhau : ngoại ngữ, giới tính, độ tuổi, địa phương, cấp học, và trình độ chuyên môn, ... để có một bức tranh tổng thể về đội ngũ giáo viên ngoại ngữ phổ thông.
- ♦ Tổ chức các hình thức khác nhau để thường xuyên bồi dưỡng hoặc đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ chuyên môn về ngoại ngữ cũng như sư phạm cho các giáo viên phổ thông:
 - * Xây dựng các trung tâm đào tạo lại tại một số tỉnh thành, thị xã.
 - * Tổ chức định kỳ các khoá tập huấn, nâng cao kiến thức cho giáo viên (mang tính chất bắt buộc).

* Tiêu chuẩn hoá giáo viên.

* Đưa ra chế độ khen thưởng, động viên về vật chất để khuyến khích giáo viên nâng cao tay nghề. Nếu có thể, tổ chức các khoá tham quan, thực tập nước ngoài cho các giáo viên có thành tích.

b). Về đào tạo sinh viên ngoại ngữ tại các trường đại học:

Quy hoạch lại nhu cầu đào tạo, cân đối giữa các ngoại ngữ. Việc quy hoạch phải mang tính khách quan, tuân theo nhu cầu của thực tiễn xã hội đòi hỏi. Nhu cầu xã hội phải được nhìn theo quan điểm phát triển, cho một tương lai xa. Tránh lặp lại việc giải thể khoa tiếng Trung

(ĐHSPNN) như đã xảy ra trước đây khi quan hệ giữa hai nước có vấn đề hoặc để xuống cấp của đội ngũ giáo viên tiếng Nga như hiện nay.

Tăng lượng tuyển sinh cho các khoa ngoại ngữ, đặc biệt đối với môn ngoại ngữ mà lượng giáo viên còn thiếu hụt nhiều hoặc với các môn ngoại ngữ trọng điểm.

Tăng cường đầu tư các thiết bị nghe, nhìn, máy tính, phần mềm dạy học, Internet... trợ giúp cho quá trình dạy-học ngoại ngữ, áp dụng các công nghệ tiên tiến của Tin học, điện tử, và các phương pháp dạy học mới sử dụng các công nghệ đó vào quá trình dạy-học ngoại ngữ.

Cố gắng tạo sự giao tiếp, trao đổi chuyên môn cho sinh viên Việt Nam với các trường đại học của các nước khác. Đây là một hình thức khá phổ biến của các trường đại học trên thế giới. Nó tạo ra một văn hóa giao giao tiếp, giúp cho sinh viên ngoài kiến thức cụ thể về ngoại ngữ còn biết về văn hoá, lịch sử,... của nước mà mình học tiếng; phát triển các kỹ năng cho việc nắm bắt chúng. Phải gây được cho sinh viên ngoại ngữ sự tự tin trong việc sử dụng ngoại ngữ, trong giao tiếp với người nước ngoài, cảm nhận mình là một thành viên bình đẳng trong cộng đồng quốc tế.

c) Về mức độ, nội dung các môn ngoại ngữ tại các trường phổ thông:

Đặc thù của bộ môn ngoại ngữ là chúng có một giới hạn tối thiểu về kiến thức, kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết). Không đạt tới giới hạn đó, con người không có đủ khả năng để sử dụng nó, và sau một thời gian ngắn không tu luyện tiếp, mọi kiến thức, kỹ năng đã đạt được sẽ mất đi nhanh chóng, việc học ngoại ngữ sẽ không có tác dụng. Với nội dung, chương trình, và mức độ kiến thức đang hiện hành đối với các môn học ngoại ngữ (trừ các lớp chuyên, lớp chọn về ngoại ngữ) chắc chắn sẽ không giúp cho học sinh đạt được ngưỡng tối thiểu đó. Vì vậy, việc thay đổi chương trình, mục tiêu đặt ra đối với môn học ngoại ngữ là cần thiết. Đó là một việc công phu, đòi hỏi nhiều thời gian, công sức của các nhà nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa. Tuy nhiên, cảm nhận đầu tiên là phải nâng cấp mục tiêu đào tạo của các bộ môn ngoại ngữ.

Việc thay đổi hoàn toàn cách nhìn về bộ môn ngoại ngữ của nhà trường phổ thông, cải cách và đổi mới nó là một vấn đề nóng bỏng và phức tạp. Nó đòi hỏi phải có sự quan tâm thích đáng, không chỉ của các nhà giáo dục, mà cả sự đầu tư nghiêm túc của nhà nước. Những ý kiến nêu ra trong báo cáo này có thể gây ra sự tranh cãi. Tuy nhiên xuất phát từ cách nhìn biện chứng về nhu cầu của xã hội Việt Nam trong sự phát triển, vận động của thế giới, chúng tôi nhận thức được tính cấp thiết của vấn đề nêu ra. Chỉ như vậy, người Việt nam mới vượt qua được rào cản về ngôn ngữ để vững bước, tự tin hội nhập vào nền kinh tế, văn hoá thế giới trong thiên niên kỷ mới.